

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 68/2020/HS-ST

Ngày 13-7-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ - TỈNH QUẢNG NAM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thông,
2. Bà Đặng Thị Phú Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa:
Ông Lê Doãn Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 72/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Phùng Văn T, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1963; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Khoan cắt bê tông; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; con ông Phùng T, sinh năm 1930 và bà Lê Thị C (đã chết); có vợ là Huỳnh Thị H, sinh năm 1963 và có 05 con, con lớn nhất inh năm 1981, con nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09-12-2019 đến ngày 22-01-2010 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Lê Thị Thiên T, sinh năm 1994; trú tại: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị M, sinh năm 1976; trú tại: Số 152-154 đường T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

2. Phùng V, sinh năm 1987; trú tại: Thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14-11-2019, chị Lê Thị Thiên T cùng bị cáo Phùng Văn T đến cửa hàng xe máy T, phường A, thành phố T do bà Trần Thị M làm chủ để mua xe máy. Sau khi xem xe, chị T chọn mua chiếc xe Lead biển số 92C1-208.26 với giá 27.000.000 đồng. Do không mang đủ tiền mua xe nên bị cáo T chở chị T tới Công ty Bảo hiểm Prudential vay số tiền 12.000.000 đồng sau đó quay lại cửa hàng T trả tiền mua xe 23.000.000 đồng, do còn trả thiếu 4.000.000 đồng nên chủ cửa hàng giữ lại giấy tờ xe và giấy chứng minh nhân dân của chị T rồi chỉ giao xe và giấy mua bán cho chị T. Ngày 17-11-2019, chị T nhờ bị cáo T đi thay nhớt xe nên bị cáo đã tự ý cắt 01 chìa khoá cất giữ. Do biết chị T có quan hệ yêu đương với người khác nên bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy trên. Ngày 20-11-2019, bị cáo T đến cửa hàng xe máy T đưa cho chủ cửa hàng số tiền 4.000.000 đồng còn lại để lấy giấy tờ xe và chứng minh nhân dân của chị T. Ngày 23-11-2019, do biết chị T đến Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch nên bị cáo nảy sinh ý định sẽ chiếm đoạt chiếc xe trên, vì vậy bị cáo điều khiển xe mô tô hiệu Air Blade biển số 92H1-255.01 (do anh Phùng V là con trai bị cáo T đứng tên sở hữu) đi đến bệnh viện rồi tới nhà xe, sau khi xác định vị trí xe của chị T, bị cáo đã lén lút dùng chìa khoá đã cất trước đó mở ổ khoá điện chiếc xe máy Lead biển số 92C1-208.26 (trên xe có mũ bảo hiểm của chị T) kẹp theo phiếu giữ xe điều khiển xe ra ngoài. Bị cáo điều khiển chiếc xe đã chiếm đoạt đến cửa hàng T bán chiếc xe trên với giá 25.000.000 đồng, do không có chìa khoá gốc nên bị cáo mới chỉ nhận 24.000.000 đồng. Do phát hiện mất xe nên chị T đã báo bảo vệ bệnh viện, sau đó biết chiếc xe này đang ở cửa hàng T nên chị T đã báo Công an giải quyết. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ 01 chiếc xe mô tô hiệu Lead biển số 92C1-208.26; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy (đứng tên Huỳnh Thị Thanh H); 02 giấy mua bán; 01 chìa khoá xe mô tô từ bà Trần Thị M; thu giữ từ bị cáo T nhiều vật chứng liên quan và đã trả lại tài sản thuộc quyền sở hữu cho bị hại; thu giữ từ bị hại 01 phiếu gửi xe khách số 80 của bệnh viện Phạm Ngọc Thạch.

Theo kết luận định giá tài sản: 01 chiếc xe mô tô hiệu Lead biển số 92C1-208.26 trị giá 27.000.000 đồng. Bị hại Lê Thị Thiên T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt; bà Trần Thị M đã nhận lại số tiền 24.000.000 đồng từ bị cáo T; chị T và bà M và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 14-02-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố bị cáo Phùng Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng; về tội danh: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phùng Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"; về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản

2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phùng Văn T từ 9 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Kỳ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Sau khi mất xe chị Lê Thị Thiên T đã báo cáo cơ quan Công an giải quyết, trong quá trình điều tra đã thu hồi chiếc xe này trả lại cho chị T, do đã nhận lại xe nên chị T không có yêu cầu người giữ xe của Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch bồi thường, do vậy Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ đã xác định chị Lê Thị Thiên T là bị hại trong vụ án này là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được: Ngày 23-11-2019, bị cáo Phùng Văn T đến Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch thuộc phường A, thành phố T, lén lút dùng chìa khoá đã cắt trước đó mở ổ khoá điện trộm cắp của chị Lê Thị Thiên T chiếc xe máy nhãn hiệu Lead, biển số 92C1-208.26, theo định giá là 27.000.000 đồng.

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng các văn bản pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi trên của bị cáo Phùng Văn T đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo Phùng Văn T là cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng để giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong quá trình tố tụng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã tự nguyện hoàn trả toàn bộ số tiền bán chiếc xe chiếm đoạt cho

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị M; được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do bị cáo Phùng Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội; nơi cư trú rõ ràng; trước khi được cho tại ngoại đã bị tạm giam 01 tháng 15 ngày, vì vậy không cần xử phạt tù giam cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục cũng đủ tính răn đe, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, cải tạo thành công dân tốt.

[2.3] Trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, vấn đề liên quan trong vụ án:

- *Trách nhiệm dân sự:* Bị hại Lê Thị Thiên T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe máy nhãn hiệu Lead, biển số 92C1-208.26; bà Trần Thị M đã nhận lại số tiền mua xe 24.000.000 đồng từ bị cáo T; chị T và bà M và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không giải quyết.

- *Về vật chứng, biện pháp tư pháp, vấn đề liên quan khác:*

Đối với 01 giấy bán xe của cửa hàng xe máy T có nội dung bán chiếc xe máy Lead biển số 92C1-208.26 cho Lê Thị Thiên T, đây là tài sản cá nhân của chị T nên cần trả lại cho chị T là phù hợp.

Đối với 01 chìa khoá xe mô tô, trên phần bọc nhựa có ký hiệu “HONDA” là công cụ phạm tội của bị cáo Phùng Văn T nên tịch thu tiêu huỷ.

Lưu kèm hồ sơ vụ án 01 phiếu gửi xe của bệnh viện Phạm Ngọc Thạch là vật chứng vụ án.

Trong quá trình tố tụng, bị cáo Phùng Văn T đã giao nộp số tiền 1.000.000 đồng, do đã giải quyết xong phần trách nhiệm dân sự nên trả lại cho bị cáo tuy nhiên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho bị cáo.

Không có căn cứ xác định bà Trần Thị M, anh Phùng V biết được cũng như có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Phùng Văn T nên không xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Phùng V 01 xe mô tô hiệu Air Blade biển số 92H1-255.01 là phù hợp.

Đối với việc chị Lê Thị Thiên T khai Phùng Văn T chiếm đoạt các tài sản khác trong cốp xe Lead biển kiểm soát 92C1-208.26, qua điều tra không có căn cứ xác định bị cáo Phùng Văn T đã chiếm đoạt các tài sản này, đồng thời bị hại Lê Thị Thiên T cũng không yêu cầu giải quyết đối với những tài sản chị T khai bị mất trong cốp xe nên không đề cập xử lý.

Đối với việc chị Lê Thị Thiên T khai bị cáo T còn chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Ablade, biển kiểm soát 92H1-576.97 tại nhà xe Bệnh viện Đà Nẵng. Quá trình

điều tra xác định chiếc xe này đứng tên chủ sở hữu của bị cáo T; mặt khác sự việc này xảy ra tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Kỳ đã chuyển thông tin đến Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng giải quyết theo thẩm quyền là phù hợp.

[2.4] *Về án phí*: Bị cáo Phùng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Phùng Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn T 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13-7-2020).

Giao bị cáo Phùng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

2. Trả lại cho chị Lê Thị Thiên T 01 giấy bán xe của cửa hàng xe máy T có nội dung bán chiếc xe máy Lead biển số 92C1-208.26.

Tịch thu tiêu huỷ 01 chìa khoá xe mô tô, trên phần bọc nhựa có ký hiệu “HONDA”.

Trả lại cho bị cáo Phùng Văn T số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án của bị cáo.

(01 chìa khoá hiệu HONDA, số tiền 1.000.000 đồng đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 20-02-2020; 01 giấy bán xe của cửa hàng xe máy T có nội dung bán chiếc xe máy Lead biển số 92C1-208.26 cho Lê Thị Thiên T đang được tạm giữ tại Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ)

3. Buộc bị cáo Phùng Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích quy định của pháp luật về án treo cho bị cáo Phùng Văn T)

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cơ quan thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Tấn Long